TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/DS-ST
Ngày 28 - 02 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Đoàn.

Ông Hồ Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 558/2022/TLST - DS ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N. Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Tr – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Đ. (Theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019).

Người được ông Tr ủy quyền lại: Ông Hồ Thanh G, sinh năm 1978, là Phó phòng Kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Đ. Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (Theo văn bản ủy quyền số 05/QĐ-NHNoĐD ngày 06/01/2023), có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Vương Thị Lệ M, sinh năm 1959. Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Vương Hồng N, sinh năm

1985. Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn ông Hồ Thanh G trình bày:

Ngày 16/9/2019, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Đ (viết tắt là Ngân hàng) và bà Vương Thị Lệ M ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số: 7506 - LAV - 201903526/HĐTD; phương thức vay từng lần; thời hạn tối đa là 60 tháng.

Biện pháp bảo đảm: Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nói trên, bà M thế chấp tài sản đảm bảo với tổng giá trị là: 1.206.000.000 đồng, đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định. Cụ thể tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AM105998, số vào sổ cấp giấy: H02295, thửa số 35, tờ bản đồ số 11, diện tích: 80,4m^2, tọa lạc khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau đứng tên bà Vương Thị Lệ M do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 10/7/2008; Phạm vi bản đảm: 800.000.000 đồng; Tình trạng thế chấp: Bảo đảm cho tất cả các hợp đồng tín dụng. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TTRAN2019020VTLM/HĐTC ngày 12/9/2019.

Hiện nay tổng dư nợ của bà M là 750.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 28/02/2023 là 262.470.515 đồng. Tổng gốc và lãi là: 1.012.470.515 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà M trả lãi được 02 lần, lần 01 trả 19.849.315 đồng; lần 02 trả 20.065.068 đồng, tổng 39.914.383 đồng, từ đó đến nay không thanh toán thêm. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu bà M thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, gây khó khăn lớn trong công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Buộc bà Vương Thị Lệ M trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 28/02/2023 là 1.012.470.515 đồng, trong đó nợ gốc là 750.000.000 đồng, nợ lãi là 262.470.515 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến ngày tất toán.

Trong trường hợp bà Vương Thị Lệ M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì bà M có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ hoặc bổ sung tài sản trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà M để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Vương Thị Lệ M trình bày:

Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, về nội dung hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp là đúng, bà thống nhất số nợ còn thiếu và đồng ý trả số nợ

nêu trên, tuy nhiên do điều kiện chưa trả được ngay nên bà yêu cầu hết hạn hợp đồng 05 năm, bà sẽ thanh toán toàn bộ gốc lãi cho Ngân hàng, bà thống nhất có trách nhiệm trả không yêu cầu trách nhiệm trả nợ của anh Vương Hồng N.

Đối với việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ trong trường hợp bà không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà yêu cầu Ngân hàng cho bà thêm thời gian để bà có điều kiện trả nợ.

Đối với anh Vương Hồng N: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh nhưng anh không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Vương Thị Lệ M trả cho Ngân hàng là 1.012.470.515 đồng, trong đó nợ gốc là 750.000.000 đồng, nợ lãi là 262.470.515 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến ngày tất toán.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

Về án phí và chi phí tố tụng: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Vương Hồng N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.012.470.515 đồng, thấy rằng: Theo hợp đồng tín dụng số: 7506 - LAV - 201903526/HĐTD ngày 16/9/2019 thể hiện: bà M có vay vốn tại Ngân hàng với số tiền: 750.000.000 đồng; phương thức cho vay: từng lần, thời hạn vay: 60 tháng; mục đích vay: Sửa chữa nhà; Lãi suất vay: 10,5%/năm; lãi suất quá hạn: 15,75%/năm.

Xét thấy hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bà M được ký kết trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, các đương sự không có tranh chấp về các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng nên các đương sự cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng. Quá trình vay bị đơn còn nợ số tiền tính đến ngày 28/02/2023 là 1.012.470.515 đồng, trong đó nợ gốc là 750.000.000 đồng, nợ lãi là 262.470.515 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận nội dung của hợp đồng tín dụng như trình bày của nguyên đơn, thống nhất nợ gốc và lãi còn thiếu và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, đây là sự kiện, tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu xem xét đến hết hạn hợp đồng tín dụng sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi do hiện chưa có điều kiện trả được nợ ngay, đề nghị Ngân hàng cho thêm thời gian để có điều kiện trả nợ, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không đồng ý, xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số nợ là đúng quy định, do đó không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[3.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng, thấy rằng: Để đảm bảo khoản vay, bà M có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành: AM105998, số vào sổ cấp giấy: H02295, thửa số 35, tờ bản đồ số 11, diện tích: 80,4m^2, tọa lạc khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 10/7/2008 cho bà Vương Thị Lệ M theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TTRAN2019020VTLM/HĐTC ngày 12/9/2019.

Việc các bên xác lập hợp đồng thế chấp trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định nên được công nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp là phù hợp và đúng quy định.

[3.3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày tất toán nợ theo hợp đồng tín dụng. Xét thấy: Yêu cầu của Ngân hàng phù hợp theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[3.4] Đối với yêu cầu về việc Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất cứ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà M để thu hồi nợ trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ, xét thấy yêu cầu này thuộc giai đoạn thi hành án, không thuộc thẩm quyền giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Vương Thị Lệ M được miễn, do thuộc đối tượng là người cao tuổi.

+ Ngân hàng không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà M phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngân hàng N không phải chịu, đã dự nộp 300.000 đồng. Buộc bà M phải trả cho Ngân hàng số tiền 300.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 157, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Vương Thị Lệ M trả cho Ngân hàng N tổng số tiền: 1.012.470.515 đồng (Một tỷ không trăm mười hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn năm trăm mười lăm đồng), trong đó tiền gốc là 750.000.000 đồng, tiền lãi là 262.470.515 đồng.

2. Trường hợp bà Vương Thị Lệ M không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số: 7506-LAV – 201903526/HĐTD ngày 16/9/2019 thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành: AM105998, số vào sổ cấp giấy: H02295, thửa số 35, tờ bản đồ số 11, diện tích 80,4m^2, tọa lạc khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 10/7/2008 cho bà Vương Thị Lệ M.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/3/2023) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng N không phải chịu, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền 20.050.000 đồng (Hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013382 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Bà Vương Thị Lệ M được miễn do thuộc đối tượng là người cao tuổi.

4.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Vương Thị Lệ M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nếu bà M chậm thi hành đối với khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà M còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Dũng Liêm